TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/KDTM-ST
Ngày: 09-6-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng đại lý bảo hiểm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Phượng
2. Ông Đinh Công Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2017/TLST- KDTM ngày 04/4/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng đại lý bảo hiểm*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST-KDTM ngày 09/5/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 02/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F
Địa chỉ: Tầng 22, Tòa nhà C, đường T, Quận C, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông C - Tổng giám đốc (vắng mặt).
Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà S, đường N, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1963
Địa chỉ: Tổ I, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ L, thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/3/2017 của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F (Công ty F) và tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của công ty F trình bày: Ngày 17/10/2014, Công ty F và ông Lê Văn H có ký hợp đồng đại lý bảo hiểm số 00132/2014/HĐĐL/SCM - FBLHCM. Theo nội dung hợp đồng và "Phương pháp quản lý phiếu thu phí bảo hiểm trắng" ban hành tháng

9/2014 thì ông Lê Văn H được quyền thu phí bảo hiểm của khách hàng và có nghĩa vụ nộp lại cho Công ty F trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thu phí.

Thực hiện hợp đồng đại lý nêu trên, ngày 25/3/2016 ông Lê Văn H đã thu số tiền 19.602.000 đồng của khách hàng Nguyễn Thị Thu L nhưng ông H không nộp lại phí bảo hiểm đã thu được của khách hàng cho Công ty F.

Công ty F đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở yêu cầu ông H nộp tiền nhưng ông H không thực hiện. Nay Công ty F khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn H phải trả lại số tiền thu của khách hàng là 19.602.000 đồng và thanh toán tiền lãi chậm trả mỗi tháng là 162.697 đồng/tháng theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 28/3/2016 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Lê Văn H để lấy lời khai và công khai chứng cứ, hòa giải nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt. Theo kết quả xác minh tại Công an xã T, huyện T thì ông Hậu có hộ khẩu thường trú tại Tổ I, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ này cùng với vợ con nhưng lẩn tránh không đến Tòa án. Tòa án đã tiến tống đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như thông báo các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Mai Thị H là vợ ông H nhận, nhưng ông H cũng không đến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có yêu cầu phản tố để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành như sau:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H phải trả 19.602.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật cho Công ty F, về án phí ông H phải nộp theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Hợp đồng đại lý bảo hiểm được ký kết giữa Công ty F và ông Lê Văn H đều có mục đích lợi nhuận nhưng nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng đại lý bảo hiểm"*. Bị đơn là ông Lê Văn H có nơi cư trú tại huyện T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Ông Lê Văn H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Ngày 17/10/2014, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F có ký Hợp đồng đại lý bảo hiểm với ông Lê Văn H 00132/2014/HĐĐL/SCM - FBLHCM. Theo nội dung hợp đồng thì ông Hậu được làm đại lý bảo hiểm của Công ty F với nhiệm vụ giới thiệu khách hàng mua bảo hiểm cho công ty, sắp xếp, hỗ trợ việc giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa công ty và khách hàng, thực hiện thu phí bảo hiểm năm đầu tiên và các năm tiếp theo, đồng thời giao nộp cho công ty theo đúng thời gian quy định của công ty.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Theo hợp đồng bảo hiểm số 82365 ngày 21/3/2015 thì bà L là khách hàng của Công ty F, ông H là đại lý bảo hiểm trực tiếp phục vụ khách hàng và thu phí bảo hiểm. Tại phiếu thu phí hợp đồng bảo hiểm đã phát hành số 0000108966, ông H đã thu phí bảo hiểm 19.602.000đ (Mười chín triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng) của khách hàng Nguyễn Thị Thu L vào ngày 25/3/2016 nhưng quá thời hạn 03 ngày không nộp tiền về công ty. Sau khi sự việc xảy ra, Công ty F nhiều lần liên hệ và có văn bản yêu cầu ông H nộp lại phí bảo hiểm đã thu của khách hàng về công ty để đảm bảo quyền lợi chính đáng của khách hàng. Tuy nhiên, ông H vẫn cố tình không thực hiện.

Đến ngày 16/5/2016, ông H lập bản cam kết gửi Công ty F với nội dung xác nhận do bất cẩn và đang sửa lại nhà nên làm thất lạc 02 phiếu thu phí của khách hàng, trong đó có phiếu thu phí của khách hàng Nguyễn Thị Thu L. Ông H cam kết sẽ tìm lại phiếu thu và liên hệ yêu cầu khách hàng đóng phí rồi báo hoàn tất cho Công ty F vào ngày 19/5/2016 phiếu trống hoặc lệnh chuyển tiền nếu khách hàng nộp phí.

Ngày 20/7/2016, ông H tiếp tục lập "Giấy cam kết trả tiền" với nội dung thể hiện ông H xác nhận đã chiếm dụng phí bảo hiểm của khách hàng Nguyễn Thị Thu L với số tiền 19.602.000đ (Mười chín triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng) sử dụng vào mục đích cá nhân và cam kết hoàn trả lại công ty khoản tiền đã chiếm dụng trước ngày 05/8/2016. Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn không thực hiện việc hoàn trả phí bảo hiểm đã chiếm dụng của khách hàng về công ty theo cam kết.

Căn cứ Hợp đồng đại lý bảo hiểm mà ông H đã ký kết với Công ty F ngày 17 tháng 10 năm 2014 thì ông H đã vi phạm nghĩa vụ của đại lý quy định tại điểm d mục 5.1 mục 5 của hợp đồng và vi phạm quy định tại phương pháp quản lý phiếu thu phí bảo hiểm trắng điểm 2.3 khoản 2 mục VI. Vì vậy, cần buộc ông H phải có nghĩa vụ hoàn trả 19.602.000đ (Mười chín triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng) cho Công ty F.

Về yêu cầu tính lãi do vi phạm nghĩa vụ thì thấy: Ngày 25/3/2016 ông H đã thu số tiền 19.602.000 đồng của bà L, theo quy định đến ngày 28/3/2016 ông H

phải nộp số tiền thu được về Công ty F nhưng ông H không thực hiện. Vì vậy, cần buộc ông H phải chịu tiền lãi chậm trả đối với số tiền ông H chưa nộp tính từ ngày 28/3/2016 đến ngày xét xử (09/6/2017) theo mức lãi suất như phía nguyên đơn đưa ra là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự với cách tính như sau: 19.602.000 đồng x 0,83%/tháng x 14 tháng 11 ngày = 2.336.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Từ những phân tích nhận định trên; chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và văn bản đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành. Buộc ông H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty F tổng số tiền là: 19.602.000đ +2.336.000đ = 21.938.000đ (Hai mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Lê Văn H phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty F.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 302 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 84, 87 và Điều 88 Luật kinh doanh bảo hiểm; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F về việc "Tranh chấp hợp đồng đại lý bảo hiểm" đối với ông Lê Văn H.

Buộc ông Lê Văn H phải hoàn trả cho Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F 21.938.000đ (Hai mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn H phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Hoàn trả lại 494.000đ (Bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006222 ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Hưng